

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 02 năm 2017

THỎA THUẬN TRÁCH NHIỆM

Số 01/2017/TTTN-Tượng Sơn

**THỰC HIỆN MÔ HÌNH THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH
THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (PHẦN NÔNG NGHIỆP)
TRONG KHUÔN KHỔ HỢP PHẦN 3: HỖ TRỢ THỰC HÀNH NÔNG
NGHIỆP THÔNG MINH THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
DỰ ÁN THÀNH PHẦN: CẢI THIẾN NÔNG NGHIỆP CÓ TƯỚI TỈNH HÀ TĨNH
DỰ ÁN: CẢI THIẾN NÔNG NGHIỆP CÓ TƯỚI (WB7)**

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Hiệp định tài trợ dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới, khoản vay số Cr.5352-VN ký giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế ngày 24/4/2014, có hiệu lực ngày 22/7/2014;

- Căn cứ Quyết định số 3016/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (POM) dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới vay vốn WB;

- Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-BNN-XD ngày 03/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

- Căn cứ Quyết định số 3437/QĐ-UBND ngày 04/11/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kê Gõ - Sông Rác, Hà Tĩnh (WB7);

- Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-CT ngày 08/01/2014 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Hà Tĩnh quy định tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kê Gõ - Sông Rác, Hà Tĩnh (WB7);

- Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-TT-WB7 ngày 16/3/2016 của Cục Trồng trọt về việc Phê duyệt Khung Kế hoạch thực hiện mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu - Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7);

- Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-DA-WB7 ngày 24/01/2017 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện Hợp phần 3 (PCSA): Mô hình thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hà Tĩnh - Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh - Dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới (WB7);

- Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-DA-WB7 ngày 13/02/2017 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh về việc phê duyệt Thiết kế xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (CSA) chuyên canh rau an toàn tại xã Tượng Sơn - huyện Thạch Hà - tỉnh Hà Tĩnh (phần Nông nghiệp) - Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hà Tĩnh - Dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới (WB7);

Hôm nay, ngày 15 tháng 02 năm 2017, tại Văn phòng Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kẻ Gỗ - Sông Rác, Hà Tĩnh, chúng tôi gồm có:

Bên A: Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới Kẻ Gỗ - Sông Rác, Hà Tĩnh

- Người đại diện: **Nguyễn Văn Tâm**

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 02 - Đường Nguyễn Huy Tự - TP. Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

- Điện thoại: 0393.851.970 - Fax: 0393.856.798

- Mã số thuế: 3001940072

- Số tài khoản:

955217420663 hoặc 955717420663 tại Kho bạc Nhà nước Hà Tĩnh

102010002034445 tại NH Công thương Việt Nam- chi nhánh Hà Tĩnh

Bên B: Hợp tác xã Hoàng Hà

- Người đại diện: **Nguyễn Việt Sơn**

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc HTX

- Địa chỉ: thôn Phú Sơn - xã Tượng Sơn - huyện Thạch Hà - tỉnh Hà Tĩnh

- Điện thoại: 0975.268.141

- Mã số thuế: 3001651659

- Số tài khoản:

3700201007759 tại NH Nông nghiệp và PTNT - chi nhánh Hà Tĩnh

Hai bên ký kết thỏa thuận trách nhiệm thực hiện với những điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung:

Bên B có trách nhiệm tổ chức thực hiện “Mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (CSA) chuyên canh rau an toàn tại xã Tượng Sơn - huyện Thạch Hà - tỉnh Hà Tĩnh (phần Nông nghiệp)” trong khuôn khổ Hợp phần 3

“Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng BĐKH” thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tuổi tỉnh Hà Tĩnh (WB7).

Điều 2. Phạm vi:

Mô hình được thực hiện trong phạm vi cánh đồng Nương Cộ và Hạ Bái thuộc xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Thời gian thực hiện:

Bắt đầu: Tháng 02/2017

Kết thúc: Tháng 12/2018

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên:

4.1. Đối với bên A

4.1.1. Trách nhiệm

- Cung cấp hồ sơ Thiết kế mô hình đã được phê duyệt. Cung cấp chuyên gia tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho Bên B trong toàn bộ quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình, thực hiện mô hình, bao gồm đánh giá hiệu quả và đề xuất các điều chỉnh cần thiết.

- Phối hợp chặt chẽ và tham vấn thường xuyên với các cơ quan huyện, xã, các tổ chức xã hội, đoàn thể địa phương, để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động thực hiện mô hình CSA.

- Đấu thầu xây dựng, mua sắm thiết bị hàng hóa các hạng mục để cung cấp cho bên B theo phân giao trách nhiệm được thể hiện trong thiết kế, kế hoạch được phê duyệt và phù hợp với Sổ tay thực hiện dự án.

- Thanh toán cho bên B các khoản chi phí hợp lệ để thực hiện các hoạt động theo thiết kế, kế hoạch được phê duyệt và các điều khoản của thỏa thuận này.

4.1.2. Quyền hạn

- Kiểm tra, giám sát, theo dõi và đánh giá hiệu quả làm việc của bên B trong quá trình triển khai thực hiện công việc tại hiện trường. Có quyền từ chối thanh toán các khoản chi phí không hợp lệ hoặc khi chất lượng công việc không đạt yêu cầu.

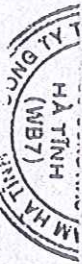
- Tạm ngừng hoặc đình chỉ việc thực hiện nếu thấy bên B thực hiện không đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của thiết kế, kế hoạch đã được phê duyệt.

4.2. Đối với bên B

4.2.1. Trách nhiệm

- Tổ chức, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra các hoạt động của các hộ nông dân tham gia thực hiện mô hình CSA.

- Xây dựng và nộp cho Bên A kế hoạch thực hiện chi tiết hàng năm.



- Thay mặt cho các hộ nông dân tham gia thực hiện mô hình mua sắm trang bị, công cụ cầm tay, vật tư để thực hiện mô hình theo phân giao trách nhiệm được thể hiện trong thiết kế, kế hoạch được phê duyệt. Chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và quản lý, phân phối các trang bị, công cụ, vật tư cho các hộ nông dân thực hiện Mô hình CSA phù hợp các thời kỳ sản xuất.

- Tiếp nhận, tổ chức quản lý vận hành, bảo dưỡng các công trình, thiết bị do Bên A cung cấp theo thiết kế, Kế hoạch thực hiện mô hình CSA đã được phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan huyện, xã, các tổ chức xã hội, đoàn thể địa phương, để tổ chức hiệu quả các hoạt động thực hiện mô hình CSA.

- Phối hợp chặt chẽ với cán bộ và chuyên gia tư vấn của Bên A giám sát các hoạt động tại hiện trường để đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất mô hình CSA hiệu quả, đúng mục tiêu và tiết kiệm.

4.2.2. Quyền hạn

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai công việc chi tiết, lịch trình công tác và biện pháp tổ chức thực hiện.

- Có quyền phản ánh về khối lượng, chất lượng của công trình, thiết bị hoặc từ chối tiếp nhận công trình, thiết bị do Bên A cung cấp nếu không đảm bảo về khối lượng, chất lượng.

- Chủ động đề xuất với Bên A về những thay đổi hoặc điều chỉnh kế hoạch triển khai công việc (nếu cần).

- Đề xuất điều chỉnh, bổ sung các hoạt động thực hiện mô hình CSA trên cơ sở yêu cầu thực tế sản xuất.

Điều 5. Kinh phí thực hiện mô hình và điều khoản thanh toán

5.1. *Kinh phí: 1.898.426.000 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn đồng chẵn./.)*

Trong đó:

TT	Hạng mục hỗ trợ	Kinh phí (đồng)
1	Chi phí mua sắm thiết bị cầm tay	129.100.000
2	Chi phí giống, phân bón, chế phẩm...	1.028.742.040
3	Chi phí khác	268.000.000
4	Chi phí kiện toàn tổ chức HTX	300.000.000
5	Chi phí dự phòng	172.584.204
6	Tổng	1.898.426.244
7	Làm tròn	1.898.426.000

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

5.2. Điều khoản thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam
- Điều kiện thanh toán: các chi phí của các hạng mục do Bên B thực hiện, mua sắm hợp lệ sẽ được Bên A thanh toán theo khối lượng thực tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp lệ, theo kế hoạch thanh toán quy định dưới đây và phù hợp tiến độ thực hiện.

- Kế hoạch thanh toán:

- + Tạm ứng: Trong vòng 5 ngày đầu mỗi quý Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B toàn bộ kinh phí dự trù khối lượng thực hiện trong quý theo kế hoạch năm được phê duyệt.

- + Tắt toán tạm ứng: cuối mỗi quý Bên B có trách nhiệm báo cáo toàn bộ chi phí phát sinh trong quý cho Bên A cùng bản sao các chứng từ để tắt toán khoản tạm ứng đã nhận. Bên B lưu trữ chứng từ cho tất cả các khoản chi phí và đệ trình cho bên A hoặc các cơ quan giám sát của bên A kiểm tra khi có yêu cầu.

- + Tạm ứng các quý tiếp theo: Số tiền tạm ứng của quý tiếp theo sẽ bằng tổng chi phí dự trù cho khối lượng thực hiện quý tiếp theo trừ đi số tiền còn dư sau khi tắt toán tạm ứng của quý trước. Bên A sẽ không tạm ứng cho bên B quý tiếp theo nếu bên B chưa tắt toán tạm ứng của quý trước.

- + Quyết toán cuối cùng: sau hoàn thành tất cả các hoạt động theo yêu cầu của dự án, bên B lập bản quyết toán trình bên A kèm theo toàn bộ hồ sơ chứng từ để phê duyệt tổng quyết toán chi phí. Căn cứ tổng quyết toán được phê duyệt, bên A và bên B sẽ thực hiện hoàn trả/thanh toán số tiền chênh lệch giữa tổng tiền bên A đã cấp cho bên B và tổng chi phí phát sinh của bên B.

Điều 7. Hiệu lực.

Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày được 2 bên ký kết ghi ở trên. Thỏa thuận này sẽ hết hiệu lực khi:

- Hai bên đã thực hiện hoàn thành trách nhiệm theo các điều khoản trong thỏa thuận này, hoặc các điều chỉnh nếu có được 2 bên thống nhất bằng văn bản.

- Bên A có thể hủy bỏ thỏa thuận này bằng một văn bản thông báo gửi trước đó mười (10) ngày làm việc tới Bên B sau xảy ra bất kỳ một sự kiện nào như dưới đây:

- + Nếu Bên B không khắc phục được tình trạng không thực hiện trách nhiệm của mình theo thỏa thuận này trong vòng bảy (7) ngày làm việc sau khi nhận được thông báo của Bên A;

+ Nếu Chủ đầu tư (Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh), vì bất cứ lý do gì, quyết định hủy thỏa thuận này.

- Sau 15 ngày Bên A không trả lời hoặc không khắc phục được tình trạng không thực hiện trách nhiệm của mình theo thỏa thuận này kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B.

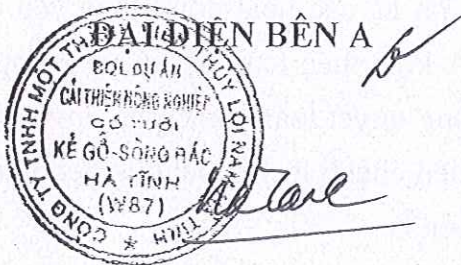
Điều 8. Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện tuân thủ các điều khoản đã ghi trong bản thỏa thuận này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết tìm giải pháp khắc phục.

- Các điều chỉnh, thay đổi nếu có được hai bên thống nhất sẽ được thể hiện bằng một Phụ lục điều chỉnh.

- Bất kỳ tranh chấp hay bất đồng nào phát sinh ngoài hoặc có liên quan đến những điều khoản trong thỏa thuận này mà không thể giải quyết được bằng thương lượng giữa hai bên thì phán quyết cuối cùng sẽ do Tòa án tỉnh Hà Tĩnh quyết định. Quyết định của Tòa án sẽ là phán quyết cuối cùng đối với cả hai bên và sẽ thay thế tất cả các quyết định khác.

- Thỏa thuận này lập thành 06 bản được 02 bên thống nhất ký kết vào ngày, tháng như ở trên có giá trị như nhau. Bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản./



Nguyễn Văn Tâm



Nguyễn Viết Sơn

Phụ lục 01 kèm theo thỏa thuận trách nhiệm số: 01/2017/TTTN-Tương Sơn

Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018		Cả 2 năm		PPMU ⁽¹⁾	HTX ⁽²⁾
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
A	CHI PHÍ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP			643.471.020		514.371.020		1.157.842.040		1.157.842.040
I	Chi phí mua sắm thiết bị		-	129.100.000		0		129.100.000		129.100.000
1	Các dụng cụ cầm tay									
	Máy làm đất lên luống cầm tay	cái	2	88.000.000			2	88.000.000		88.000.000
	Bình phun	cái	10	12.000.000			10	12.000.000		12.000.000
	Sàng	cái	20	1.000.000			20	1.000.000		1.000.000
2	Thiết bị thu hoạch									
	Bộ dao kéo	-cái	40	1.200.000			40	1.200.000		1.200.000
	Sọt	cái	60	3.600.000			60	3.600.000		3.600.000
3	Thiết bị sơ chế, bảo quản, đóng gói									
	Bộ dao kéo chuyên dụng	cái	100	6.000.000			100	6.000.000		6.000.000
	Sọt	Cái	60	3.000.000			60	3.000.000		3.000.000
4	Thiết bị xử lý phụ phẩm cây trồng sau thu hoạch									
	Công cụ băm thân lá rau màu	cái	2	14.300.000			2	14.300.000		14.300.000
II	Chi phí giống			426.002.700		426.002.700		852.005.400		852.005.400
1	Giống bí xanh	kg	10,60	53.000.000	10,60	53.000.000	21,20	106.000.000		106.000.000
2	Giống dưa chuột	kg	4,25	38.250.000	4,25	38.250.000	8,50	76.500.000		76.500.000
3	Giống mướp đắng, mướp hương	kg	17,16	85.800.000	17,16	85.800.000	34,32	171.600.000		171.600.000
4	Giống mồng tơi, rau dền	kg	20,10	2.010.000	20,10	2.010.000	40,20	4.020.000		4.020.000
5	Giống cà chua	kg	0,61	36.840.000	0,61	36.840.000	1,23	73.680.000		73.680.000
6	Giống cà	kg	8,76	70.080.000	8,76	70.080.000	17,52	140.160.000		140.160.000
7	Giống su hào, bắp cải	kg	1,28	70.180.000	1,28	70.180.000	2,55	140.360.000		140.360.000
8	Giống cải	kg	34,65	69.300.000	34,65	69.300.000	69,30	138.600.000		138.600.000
9	Giống rau gia vị	kg	2,01	542.700	2,01	542.700	4,02	1.085.400		1.085.400

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018		Cả 2 năm		PPMU ⁽¹⁾	HTX ⁽²⁾
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị		
III	Chi phí phân bón									
1	Urea	kg	2.399	73.368.320	2.399	73.368.320	4.798	146.736.640		146.736.640
2	Lân super	kg	3.411	23.988.600	3.411	23.988.600	4.798	47.977.200		47.977.200
3	Kali Clorua	kg	2.265	13.644.720	2.265	13.644.720	6.822	27.289.440		27.289.440
4	Phân bón lá	gói	352	33.975.000	352	33.975.000	4.530	67.950.000		67.950.000
IV	Chi phí chế phẩm									
	Chế phẩm	lít	150	15.000.000	150	15.000.000	704	3.520.000		3.520.000
B	CHI PHÍ KHÁC									
1	In bao bì nhãn mác	cái	150	15.000.000	150	15.000.000	300	30.000.000		30.000.000
2	Hộp triển khai kế hoạch tập huấn	lớp	30.000	134.000.000	30.000	134.000.000	60.000	268.000.000		268.000.000
3	Hội nghị đầu bờ	HN	1	90.000.000	1	90.000.000	2	180.000.000		180.000.000
4	Bảng biểu MH	cái	1	10.250.000	1	10.250.000	2	20.500.000		20.500.000
5	Thùng thu gom chất thải rắn	cái	2	11.750.000	2	11.750.000	4	23.500.000		23.500.000
C	CHI PHÍ KIẾN TOÀN TỌ CHỨC									
	Kiến toàn tổ chức các HTX	HTX	10	20.000.000	10	20.000.000	20	40.000.000		40.000.000
	Thành lập các nhóm sản xuất trong HTX	HTX	1	300.000.000				300.000.000		300.000.000
	Hỗ trợ kinh phí vận hành mô hình năm I	HTX	1	100.000.000				100.000.000		100.000.000
D	CHI PHÍ QUẢN LÝ (3%)							100.000.000		100.000.000
E	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (10%)							51.775.261		51.775.261
E	TỔNG							177.761.730		172.584.204
E	LÀM TRÒN							1.955.379.031		1.898.426.244
								1.955.379.000		1.898.426.000

(Bảng chữ: Một D, chín trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng chẵn./.)

Ghi chú:

- PPMU⁽¹⁾: Chi phí do PPMU quản lý;
- HTX⁽²⁾: Chi phí do HTX Hoàng Hà quản lý thông qua thỏa thuận trách nhiệm số 01/2017/TTTN-Tưong Sơn giữa PPMU và HTX Hoàng Hà.